

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3452/STC - GCS

Quảng Trị, ngày 15 tháng M năm 2017

v/v Đề nghị đăng tải thông tin để lấy ý kiến
góp ý văn bản QPPL

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Thực hiện Công văn số 12425/BTC-QLG ngày 7/9/2016 của Bộ Tài chính về việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ quy định tại Luật phí, lệ phí; Công văn số 4099/UBND-TM ngày 6/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành giá dịch vụ quy định tại Luật phí, lệ phí;

Trên cơ sở phương án giá dịch vụ trông giữ xe của UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài chính đã tổng hợp, dự thảo Quyết định quy định về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ điều 120 và điều 129 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Dự thảo Quyết định để các cơ quan, tổ chức và cá nhân góp ý kiến.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, hỗ trợ thực hiện./.

(Dự thảo Quyết định kèm theo Công văn) *Qu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, PGĐ Sở;
- Lưu VT, QLG-CS (02 bản).



Hồ Minh Tuấn

Số: /2017/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2017

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn
tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô và xe ô tô các loại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương cấp phép trông giữ xe và được thu giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Người sử dụng xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô và xe ô tô các loại có nhu cầu trông giữ và người sử dụng phương tiện giao

thông vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông bị tạm giữ phương tiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Mức giá dịch vụ trông giữ xe (trừ các điểm, bãi giữ xe của cơ sở giáo dục và cơ sở y tế) cụ thể như sau:

TT	Phương tiện	Giá cụ thể (đồng/xe/lượt)	Giá tối đa (đồng/xe/lượt)
I	Giá dịch vụ theo lượt ban ngày:		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	2.000	3.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	10.000	15.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	15.000	20.000
II	Giá dịch vụ giữ xe theo lượt ban đêm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	2.000	3.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	3.000	5.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	15.000	20.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	20.000	25.000
III	Giá giữ xe cả ngày và đêm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	3.000	4.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	5.000	8.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	25.000	35.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	35.000	45.000
IV	Giá giữ xe hàng tháng		
1	Xe đạp, xe đạp điện	30.000	60.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	60.000	90.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ, xe tải dưới 05 tấn	300.000	450.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên, xe tải từ 05 tấn trở lên	450.000	600.000

2. Giá trông giữ xe tại các điểm, bãi trông giữ xe ở các cơ sở giáo dục và cơ sở y tế cụ thể như sau:

TT	Phương tiện	Giá cụ thể (đồng/xe/lượt)	Giá tối đa (đồng/xe/lượt)
I	Giá dịch vụ theo lượt ban ngày hoặc ban đêm:		
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	2.000	3.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ	10.000	15.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên	15.000	20.000
II	Giá giữ xe cả ngày và đêm		
1	Xe đạp, xe đạp điện	2.000	3.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	4.000	6.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ	20.000	30.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên	30.000	40.000
III	Giá giữ xe hàng tháng		
1	Xe đạp, xe đạp điện	25.000	35.000
2	Xe máy điện, xe gắn máy, xe mô tô	50.000	75.000
3	Xe ô tô dưới 16 chỗ	250.000	375.000
4	Xe ô tô từ 16 chỗ trở lên	375.000	410.000

3. Giá dịch vụ trông giữ xe nói trên là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước áp dụng mức giá cụ thể.

5. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước áp dụng không vượt quá mức giá đối đa.

6. Mức giá dịch vụ trông giữ xe vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông áp dụng theo mức giá cụ thể giá dịch vụ giữ xe cả ngày và đêm.

7. Một lượt xe là 01 lần xe ra và vào ở điểm giữ xe.

8. Thời gian trông giữ xe ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ; Thời gian trông giữ xe ban đêm: từ 18 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính; Giao thông Vận tải;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Công báo (điện tử);
- Lưu: VT, TM(...).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Sở Tài chính trình ký:

KT.GIÁM ĐỐC

HỒ MINH TUẤN



Hồ Minh Tuấn